

Thứ năm, ngày 20 tháng 2 năm 2020

Vietnam Daily Review

Đà hồi phục được duy trì

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/2/2020		●	
Tuần 17/2-21/2/2020		●	
Tháng 2/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index tăng điểm tích cực nhờ một loạt các mã bluechips hồi phục ấn tượng như VIC, SAB, GAS cũng như nhóm ngành Ngân hàng với mã VPB, BID. Đến phiên chiều, chỉ số duy trì được vận động trên mốc tham chiếu và tăng điểm mạnh vào phiên ATC. Phiên đảo hạn phải sinh hôm nay cũng chứng kiến hoạt động tích cực hơn nhờ đà kéo của các mã nhà Vín. Độ rộng thị trường gần như nghiêng hoàn toàn về phía bên mua với 228 mã tăng giá. Tâm lý tích cực của nhà đầu tư được thể hiện phần nào qua việc thanh khoản tăng nhẹ trong phiên hôm nay. Trong khi đó, TTCK trong khu vực cũng đồng thuận với đà tăng khi NHTW Trung Quốc tiếp tục cắt giảm lãi suất cho vay các kì hạn 1 và 5 năm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 885 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/2/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao tăng nhẹ.

Danh mục i-Invest: Theme_FTSE Việt Nam_ 1.8%. 20/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **FTSE Việt Nam** - được kỳ vọng sẽ thu hút dòng tiền lớn từ các quỹ đầu tư thụ động dựa theo chỉ số FTSE - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.8%**, con số này của VNINDEX là 1.0%

Phân tích kỹ thuật: HBC_Hồi phục (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **+9.37 điểm**, đóng cửa 938.13. HNX-Index **+0.27 điểm**, đóng cửa 109.57.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+5.12); VHM (+0.87); VPB (+0.54); VRE (+0.50); HPG (+0.41)**.
- Kéo chỉ số giảm: **TCB (-0.15); CTG (-0.11); GTN (-0.06); STB (-0.05); CTD (-0.05)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,803 tỷ đồng**, **+10%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 7.72 điểm. Thị trường có 228 mã tăng, 64 mã tham chiếu 125 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **294.90 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm CTG (99.23 tỷ), MSN (32.34 tỷ) và E1VFN30 (21.86 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **42.35 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

938.13

Giá trị: 2803.08 tỷ

9.37 (1.01%)

Khối ngoại (ròng): -294.95 tỷ

HNX-INDEX

109.57

Giá trị: 423.25 tỷ

0.27 (0.25%)

Khối ngoại (ròng): -42.35 tỷ

UPCOM-INDEX

56.34

Giá trị: 0.19 tỷ

-0.06 (-0.11%)

Khối ngoại (ròng): -19.69 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	53.3	-0.02%
Giá vàng	1,609	-0.14%
Tỷ giá USD/VND	23,236	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,116	0.06%
Tỷ giá JPY/VND	20,795	-0.34%
LS liên NH 1 tháng	2.8%	2.48%
LS TPCP 5 năm	1.9%	-6.75%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HSG	9.5	CTG	-99.2
VRE	8.2	MSN	-32.3
VHM	3.5	E1VFN30	-21.9
VJC	2.9	PVD	-19.9
PLX	2.6	PVS	-18.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **20/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **FTSE Việt Nam** - được kỳ vọng sẽ thu hút dòng tiền lớn từ các quỹ đầu tư thụ động dựa theo chỉ số FTSE - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.8%**, con số này của VNINDEX là 1.0%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **17/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_FTSE Việt Nam_1.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
FTSE Việt Nam	1.8%	-0.6%	-5.2%	-8.7%	-6.3%	-3.9%	74.0%	14.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.7%	-0.6%	-5.2%	-9.7%	-6.7%	-4.8%	66.0%	13.8%
Vật liệu Xây dựng	1.4%	1.7%	-1.8%	-4.8%	-3.1%	0.2%	-1.6%	18.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.1%	1.4%	-1.5%	-4.4%	-0.7%	5.6%	56.0%	15.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.0%	0.5%	-1.3%	-6.5%	-3.6%	-2.1%	47.7%	14.5%
Lãi suất giảm	0.8%	-0.4%	2.3%	-1.8%	-3.8%	-3.7%	43.6%	17.8%
Nước & Năng lượng	0.7%	0.7%	-1.2%	-9.2%	-8.7%	-8.2%	38.5%	14.5%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.7%	2.4%	1.5%	1.5%	8.5%	27.3%	100.3%	19.3%
BDS & Khu công nghiệp	0.6%	-0.8%	-4.8%	-9.7%	-9.1%	-3.3%	44.7%	16.2%
Dầu khí	0.6%	-0.9%	-5.6%	-17.1%	-17.1%	-15.5%	2.3%	22.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.4%	0.4%	-5.1%	-11.6%	-15.7%	-16.7%	28.8%	21.2%
Ngành Dược	0.4%	0.3%	9.3%	1.4%	8.1%	9.7%	40.4%	17.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.4%	0.2%	2.3%	1.4%	-2.0%	3.8%	40.1%	14.5%
VN Diamond	0.3%	2.6%	2.9%	-0.8%	5.6%	14.1%	63.9%	17.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.3%	1.8%	0.6%	-3.1%	2.2%	11.3%	65.5%	17.2%
Ngân hàng	0.3%	2.0%	7.4%	8.4%	20.6%	24.5%	89.3%	21.6%
Xây dựng	0.3%	2.8%	3.8%	-9.0%	-14.9%	-21.5%	-1.2%	18.2%
Hàng tiêu dùng	0.2%	0.9%	-2.8%	-12.4%	-12.6%	-6.2%	41.3%	17.5%
VN FinSelect	0.2%	1.5%	5.7%	3.0%	13.1%	8.0%	40.5%	17.9%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.2%	1.4%	6.9%	5.1%	16.3%	11.8%	47.6%	19.1%
Chiến tranh thương mại	-0.1%	-0.4%	-2.9%	-9.0%	-15.2%	-7.5%	1.8%	15.6%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 17	1.6%	1.2%	-2.0%	-7.8%	-6.1%	1.5%	119.8%	18.3%
Danh mục 2	1.2%	-0.6%	-0.5%	-6.7%	-2.0%	3.6%	100.0%	16.1%
Danh mục 18	1.2%	-0.3%	-3.9%	-0.7%	1.3%	3.3%	97.9%	19.4%
Danh mục 10	0.1%	0.7%	-2.7%	-5.0%	0.4%	19.7%	76.3%	16.9%
Danh mục 14	0.0%	0.0%	-0.6%	-4.8%	-0.6%	11.7%	58.8%	15.9%
* Note	17/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày khả quan							

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 25	1.5%	1.1%	-1.5%	-3.9%	-1.5%	17.2%	98.6%	16.8%
Danh mục 23	0.9%	2.3%	-0.1%	-4.6%	-0.4%	5.3%	43.3%	16.8%
Danh mục 24	0.8%	0.7%	0.8%	-1.0%	4.3%	13.5%	58.0%	19.1%
Danh mục 20	0.1%	1.0%	-2.0%	-6.2%	-1.3%	8.8%	75.6%	16.8%
Danh mục 19	0.1%	-0.1%	-3.8%	-5.3%	-1.2%	10.3%	51.2%	15.3%
* Note	7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày khả quan							

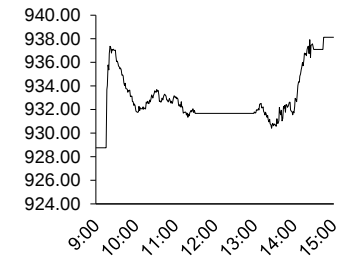
INDEX								
VNINDEX	1.0%	0.0%	-3.0%	-7.1%	-4.4%	-2.4%	33.9%	15.4%
VN30INDEX	0.9%	0.8%	-1.6%	-6.0%	-2.3%	-3.7%	32.3%	15.8%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

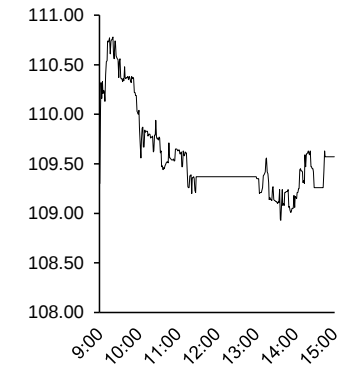
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-0.6%
Viễn thông	0.0%
Y tế	0.0%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.0%
Dịch vụ tài chính	0.0%
Ô tô và phụ tùng	0.0%
Công nghệ Thông tin	0.1%
Ngân hàng	0.1%
Du lịch và Giải trí	0.2%
Bán lẻ	0.2%
Thực phẩm và đồ uống	0.5%
Dầu khí	0.5%
Xây dựng và Vật liệu	0.6%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.6%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.7%
Bảo hiểm	1.8%
Tài nguyên Cơ bản	2.5%
Bất động sản	2.6%
Hóa chất	2.6%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

HBC_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: HBC đang có sự hồi phục ngắn hạn nhưng vẫn ở trong xu hướng giảm giá kéo dài từ cuối năm 2017 với xuất phát điểm là vùng đỉnh lịch sử 39.5 về ngưỡng hỗ trợ tại mệnh giá 10. Hôm nay, thanh khoản tăng cao đã đẩy giá cổ phiếu tăng hơn 4% khá ấn tượng. Các chỉ báo kỹ thuật đều đang ở trong trạng thái tích cực. Chỉ báo RSI đang tăng dần trên giá trị 50 nhưng còn cách khá xa vùng quá mua cho thấy dư địa tăng vẫn còn nhiều. Tuy vậy, HBC cần vượt qua được ngưỡng cản tâm lý tại vùng giá 11.5 để xác nhận mô hình hai đáy, từ đó củng cố thêm sự vững chắc cho đà tăng hiện tại. Nếu tiếp tục xảy ra sự điều chỉnh, cổ phiếu sẽ tiếp tục dao động tích lũy trong khu vực 11-11.5 để tìm kiếm thêm động lực bứt phá trong thời gian tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Hồi phục

[Link](#)

FPT_Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_Hồi phục

[Link](#)

HPG_Tăng giá

[Link](#)

NVL_Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 20/2/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 20/2	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	53.78	0.92%	5.10%	-8.19%	-8.62%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	59.58	0.78%	5.75%	-6.66%	-8.65%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	168.19	1.12%	6.38%	1.63%	4.07%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1609.58	-0.13%	2.13%	3.30%	24.97%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.37	-0.35%	4.08%	3.27%	21.34%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	905.00	-0.06%	0.17%	-4.03%	-6.58%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	563.25	0.13%	2.69%	-1.40%	6.37%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.78	6.00%	-295.00%	-4.77%	6.54%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	185.80	-32.00%	209.00%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	15.08	1.41%	0.27%	4.87%	4.22%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	109.00	0.14%	6.29%	-5.42%	-6.32%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5770.00	-0.05%	0.10%	-7.81%	-9.91%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3435.00	1.36%	1.06%	-4.80%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1720.00	0.00%	-0.98%	-5.08%	-7.92%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	654.00	2.19%	5.06%	-2.16%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	67.70	-0.95%	-3.63%	-5.05%	-26.53%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent dầu thô Brent tăng 1.37 USD (hay 2.4%) lên 59.12 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 1.24 USD (hay 2.4%) lên 53.29 USD/thùng.
- Giá dầu tăng khá mạnh trong phiên vừa qua khi nỗi lo về sự sụt giảm nhu cầu dầu dự lại bởi số ca nhiễm virus mới ở Trung Quốc ngày hôm qua thấp hơn so với những ngày trước, trong khi đó nguồn cung thất chặt hơn vì Mỹ giảm thêm nguồn cung dầu thô Venezuela ra khỏi thị trường thế giới. Một số dấu hiệu ban đầu cho thấy nhu cầu dầu đang tăng lên.
- Số liệu chính thức cho thấy số ca mới nhiễm virus ở Trung Quốc giảm ngày thứ 2 liên tiếp, mặc dù Tổ chức Y tế Thế giới cho biết vẫn chưa đủ chứng cứ để biết dịch bệnh lần này đã được kiểm soát hay chưa.
- Chứng khoán phố Wall lập kỷ lục cao mới do lạc quan về việc Trung Quốc sẽ kích thích kinh tế hơn nữa để giảm thiểu tác động từ dịch bệnh. Dự báo Trung Quốc sẽ giảm tỷ lệ cho vay tham chiếu vào ngày hôm nay 20/2.

Giá vàng

- Vàng giao ngay Vàng giao ngay tăng 0.4% lên 1,607.61 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4/2020 tăng 0.5% lên 1,611.8 USD/ounce.
- Giá vàng tiếp tục tăng trong phiên giao dịch vừa qua, duy trì ở mức trên 1.600 USD/ounce, do lo ngại về dịch bệnh do virus corona chủng mới và ảnh hưởng đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu thúc đẩy nhà đầu tư tìm đến với tài sản an toàn là vàng.
- Lo ngại về dịch bệnh gia tăng khi các nhà máy ở Trung Quốc trở lại hoạt động và những hành khách trên 2 con tàu du lịch rời tàu. Nỗi lo lắng tăng lên khi Apple thông báo doanh số bán của họ có thể sụt giảm do các nhà máy ở Trung Quốc thiếu nhân công. Không ai có thể đoán được khi nào chuỗi cung ứng toàn cầu sẽ trở lại bình thường, và nhà đầu tư có thể tiếp tục gặp nhiều rủi ro trong thời gian ngắn sắp tới.

Giá sắt thép

- Hợp đồng quặng sắt được giao dịch nhiều nhất trên sàn giao dịch Đại Liên tăng 1.1% lên 645.5 CNY (92.22 USD)/tấn vào cuối phiên. Giá quặng sắt tại Trung Quốc tiếp tục tăng 7 phiên liên tiếp do lo ngại thiếu hụt nguồn cung.

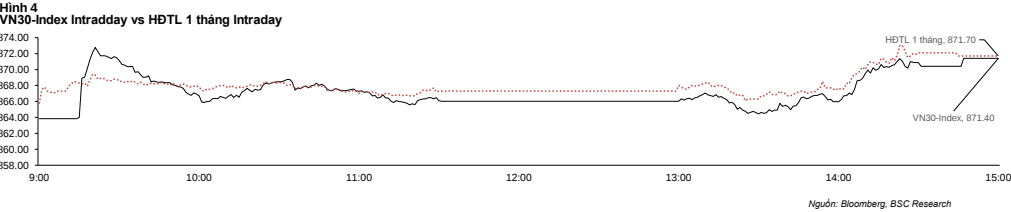
Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 7 trên sàn giao dịch Tokyo (TOCOM) đóng cửa giảm 1.2 JPY (0.8%) xuống 153.9 JPY/kg. Giá cao su trên sàn giao dịch Thượng Hải kỳ hạn tháng 5 giảm 0.5% xuống 11,585 CNY/tấn. Giá cao su trên sàn Tokyo giảm trong phiên vừa qua, là phiên giảm đầu tiên trong vòng 7 phiên, theo xu hướng giá ở Thượng Hải.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 3 tăng 0.3 US cent hay 1.9% lên 15.58 US cent/lb. Đường trắng giao tháng 5 tăng 5.2 USD (hay 1.25%) lên 422 USD/tấn. Giá đường tăng trong phiên vừa qua với khoảng cách giá giữa kỳ hạn gần với kỳ hạn tham chiếu nói rộng cho thấy nguồn cung gần hạn sẽ thiếu hụt nhiều. Sản lượng đường của Thái Lan sụt giảm do khô hạn gây thiếu hụt cung trước khi đến vụ thu hoạch của Brazil – thường bắt đầu vào khoảng đầu tháng 4.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2002	871.70	0.68%	0.30	-22.0%	64539	2/20/2020	0
VN30F2003	870.20	0.89%	-1.20	304.8%	25026	3/19/2020	28
VN30F2006	873.40	0.85%	2.00	281.1%	141	6/18/2020	119
VN30F2009	875.00	0.92%	3.60	406.7%	76	9/17/2020	210

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 7.56 điểm lên mức 871.40 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, VPB, HPG, VHM, và MSN tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 biến động mạnh trong phiên đáo hạn VN30F2002, giảm cơ quanh vùng 864-871 điểm. Thanh khoản giữ tại mức vừa phải, VN30 có thể tiếp tục tích lũy quanh 860-870 điểm trong các phiên tiếp theo.

- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2009, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tăng trong ngắn hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 885 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVIC1903	KIS	5/15/2020	85	10:1	322,700	464.1%	4.0 triệu	16.18%	1,430	610	27.08%	42.10	14.49
CVIC2001	KIS	12/16/2020	300	5:1	5,010	50000.0%	2.0 triệu	16.18%	2,700	3,130	15.93%	496.60	6.30
CDPM2002	KIS	12/16/2020	300	1:1	300	-90.1%	2.0 triệu	28.29%	1,700	2,030	14.69%	608.90	3.33
CHPG2003	MBS	5/4/2020	74	3:1	387,850	-1.0%	6.0 triệu	26.64%	1,570	1,020	9.68%	12.80	79.69
CVPB2001	HSC	6/22/2020	123	2:1	403,990	1238.2%	5.0 triệu	24.74%	1,500	4,690	8.56%	4,436.40	1.06
CVPB1901	VND	3/5/2020	14	1:1	228,270	304.7%	2.0 triệu	24.74%	3,500	10,470	7.72%	10,582.80	0.99
CHPG2001	HSC	6/30/2020	131	3:1	157,400	166.6%	5.0 triệu	26.64%	1,800	1,460	7.35%	792.40	1.84
CVHM1902	SSI	4/22/2020	62	1:1	35,250	237.6%	1.0 triệu	21.86%	18,600	8,360	5.42%	4,538.30	1.84
CREE1905	MBS	6/17/2020	118	3:1	87,340	216.6%	2.4 triệu	23.33%	2,150	1,500	4.90%	547.60	2.74
CHPG1909	KIS	5/15/2020	85	2:1	219,240	7.0%	5.0 triệu	26.64%	1,800	950	4.40%	466.30	2.04
CMBB1903	SSI	4/22/2020	62	1:1	58,650	-51.4%	3.0 triệu	20.33%	4,000	1,550	2.65%	643.10	2.41
CVHM1903	MBS	3/17/2020	26	5:1	112,490	56.1%	1.5 triệu	21.86%	2,000	1,150	1.77%	723.00	1.59
CMWG2002	MBS	4/24/2020	64	10:1	296,200	95.6%	2.0 triệu	23.44%	1,950	1,460	1.39%	773.10	1.89
CFPT1908	MBS	6/17/2020	118	3:1	179,210	45.1%	2.4 triệu	22.62%	3,150	2,380	1.28%	1,432.80	1.66
CROS2001	KIS	6/19/2020	120	4:1	1,359,530	-2.3%	10.0 triệu	47.12%	1,500	170	0.00%	-	-
CVPB2002	VPBS	4/8/2020	48	2:1	21,920	225.2%	2.0 triệu	24.74%	1,000	4,000	0.00%	4,188.20	0.96
CFPT1905	SSI	4/22/2020	62	1:1	20,310	-67.6%	1.0 triệu	22.62%	9,900	4,470	-0.22%	2,731.90	1.64
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	64	5:1	349,530	-46.1%	2.0 triệu	21.58%	2,200	1,610	-1.23%	887.40	1.81
CHDB2002	MBS	4/10/2020	50	3:1	78,160	-22.3%	1.5 triệu	23.32%	1,950	1,870	-2.09%	1,412.50	1.32
CSTB2001	KIS	6/19/2020	120	3:1	222,930	8.7%	5.0 triệu	21.88%	1,500	1,700	-2.30%	820.70	2.07
CTCB1902	VND	6/5/2020	106	1:1	101,830	-5.4%	2.0 triệu	22.64%	5,300	3,820	-2.30%	2,997.20	1.27
CMWG2003	MBS	4/24/2020	64	10:1	132,470	59.4%	4.0 triệu	23.44%	1,530	810	-4.71%	306.80	2.64
CHPG1907	SSI	4/22/2020	62	1:1	6,370	-85.5%	1.0 triệu	26.64%	4,200	4,200	-15.83%	3,057.20	1.37
Tổng:					4,786,950		71.80 triệu	24.24%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 20/2/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao tăng nhẹ.

- Về giá, CHPG1907 giảm mạnh nhất -15.83%. Trái lại, CVIC2001 và CDPM2002 tăng mạnh lần lượt là 15.93% và 14.69%. Thanh khoản thị trường tăng 3.87%. CROS2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 21.76% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là TCB và VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2003 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2002 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	110.00	4.76	3.14
VPB	28.55	2.70	1.75
HPG	23.75	2.15	1.13
VHM	86.90	1.05	0.46
MSN	51.10	1.39	0.45

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	23.5	-0.63	-0.47
STB	11.3	-0.88	-0.25
EIB	17.2	-0.58	-0.14
CTD	67.6	-3.43	-0.11
HDB	28.4	-0.35	-0.09

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVIC1903	137,300	123,000	110,000
CVIC2001	139,968	126,468	110,000
CDPM2002	16,952	15,252	12,650
CHPG2003	26,810	22,100	23,750
CVPB2001	23,000	20,000	28,550
CVPB1901	21,500	18,000	28,550
CHPG2001	27,600	24,000	23,750
CVHM1902	103,600	85,000	86,900
CREE1905	41,050	34,600	35,650
CHPG1909	28,280	24,680	23,750
CMBB1903	26,000	22,000	21,650
CVHM1903	94,500	84,500	86,900
CMWG2002	129,500	110,000	110,600
CFPT1908	63,450	54,000	55,800
CROS2001	32,468	26,468	9,100
CVPB2002	22,300	20,300	28,550
CFPT1905	64,900	55,000	55,800
CPNJ2001	94,500	83,500	85,300
CHDB2002	29,900	26,000	28,400
CSTB2001	12,499	10,999	11,300
CTCB1902	26,300	21,000	23,500
CMWG2003	129,800	114,500	110,600
CHPG1907	25,200	21,000	23,750

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	110.6	0.1%	0.8	2,179	2.2	8,655	12.8	4.0	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	85.3	-0.2%	1.1	835	1.6	5,327	16.0	4.2	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	57.5	2.0%	1.2	1,856	0.7	1,632	35.2	2.2	29.5%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	32.1	0.6%	0.8	323	0.1	2,859	11.2	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	110.0	4.8%	0.9	16,177	1.6	2,268	48.5	4.9	14.7%	11.7%
VRE	Bất động sản	30.9	2.5%	1.1	3,053	2.2	1,253	24.7	2.6	33.0%	10.3%
NVL	Bất động sản	54.5	0.7%	0.8	2,297	1.0	3,563	15.3	2.4	6.6%	16.3%
REE	Bất động sản	35.7	1.4%	1.0	481	1.3	5,286	6.7	1.1	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	12.4	0.8%	1.6	282	0.7	2,849	4.4	0.9	43.4%	20.3%
SSI	Chứng khoán	17.6	0.0%	1.4	396	1.3	1,787	9.8	1.0	55.0%	9.9%
VCI	Chứng khoán	28.0	-0.4%	1.0	200	0.0	4,218	6.6	1.1	35.7%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.9	0.3%	1.8	251	1.3	1,421	13.3	1.3	55.2%	11.7%
FPT	Công nghệ	55.8	0.2%	0.9	1,646	1.9	4,225	13.2	2.7	49.0%	21.6%
FOX	Công nghệ	47.0	2.4%	0.4	508	0.1	4,156	11.3	2.8	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	85.3	0.0%	1.5	7,098	0.7	6,096	14.0	3.4	3.7%	25.5%
PLX	Dầu khí	53.2	0.6%	1.5	2,754	0.7	3,495	15.2	2.7	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	16.4	0.0%	1.5	341	1.9	1,529	10.7	0.7	20.7%	6.2%
BSR	Dầu khí	7.8	1.3%	0.8	1,051	0.3	1,163	6.7	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	96.5	-0.5%	0.5	549	0.1	4,668	20.7	3.7	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	12.7	3.7%	0.6	215	0.3	902	14.0	0.6	18.8%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.3	1.5%	0.6	144	0.2	683	9.2	0.6	2.2%	5.5%
VCB	Ngân hàng	89.5	0.0%	1.2	14,432	2.1	5,004	17.9	3.9	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	51.3	0.0%	1.7	8,971	1.2	2,398	21.4	2.8	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	26.9	-0.4%	1.6	4,355	10.6	2,541	10.6	1.3	29.7%	13.1%
VPB	Ngân hàng	28.6	2.7%	1.2	3,026	4.9	3,370	8.5	1.6	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	21.7	0.2%	1.1	2,209	5.8	3,480	6.2	1.3	20.9%	22.1%
ACB	Ngân hàng	26.4	0.4%	1.2	1,901	6.4	3,686	7.2	1.6	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	44.3	1.1%	0.8	158	0.3	5,165	8.6	1.5	80.1%	17.2%
NTP	Nhựa	31.0	0.0%	0.2	132	0.0	4,167	7.4	1.2	19.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.4	-2.0%	1.1	619	0.0	732	19.7	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.8	2.2%	1.1	2,851	5.3	2,581	9.2	1.4	38.6%	17.0%
HSG	Thép	8.3	3.5%	1.8	153	2.4	1,161	7.2	0.6	18.2%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	106.4	0.0%	0.8	8,056	2.9	5,478	19.4	6.7	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	180.0	1.1%	0.8	5,019	2.2	7,477	24.1	6.1	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	51.1	1.4%	1.2	2,597	3.0	4,772	10.7	1.4	38.7%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	22.0	0.0%	0.4	561	2.3	508	43.3	1.8	6.5%	4.4%
ACV	Vận tải	60.0	0.7%	0.8	5,679	0.5	2,630	22.8	4.3	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	128.5	0.1%	1.1	2,927	1.4	7,889	16.3	4.4	19.5%	28.7%
HAV	Vận tải	27.0	0.4%	1.7	1,665	0.6	1,640	16.5	2.1	10.0%	12.8%
GMD	Vận tải	20.0	0.0%	0.9	258	0.3	1,595	12.5	1.0	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	13.7	1.1%	0.6	167	0.3	2,421	5.6	0.9	31.6%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	76.1	0.1%	1.1	529	0.6	8,824	8.6	3.5	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.2	0.3%	0.7	354	0.0	1,454	12.5	1.3	13.2%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.7	1.7%	0.9	243	0.0	1,953	7.5	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	67.6	-3.4%	0.9	224	0.7	8,858	7.6	0.6	46.8%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.8	0.0%	1.0	476	0.1	1,567	15.8	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	23.5	0.9%	0.3	253	0.3	2,769	8.5	1.0	50.5%	12.9%
POW	Điện	10.9	4.3%	0.6	1,110	2.2	1,064	10.2	0.9	13.0%	9.7%
NT2	Điện	20.4	1.2%	0.5	255	0.1	2,577	7.9	1.4	18.7%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	110.00	4.76	4.92	353570.00
VHM	86.90	1.05	0.88	271380.00
VPB	28.55	2.70	0.54	3.99MLN
VRE	30.90	2.49	0.51	1.63MLN
HPG	23.75	2.15	0.40	5.23MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCB	0.00	-0.15	2.95MLN	1.11MLN
CTG	0.00	-0.11	9.01MLN	607060.00
GTN	0.00	-0.06	664300.00	373600.00
CTD	0.00	-0.06	225110.00	192700.00
STB	0.00	-0.06	7.14MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DXV	3.21	7.00	0.00	10.00
RIC	5.97	6.99	0.00	2090.00
PHR	46.95	6.95	0.12	1.16MLN
MCG	1.85	6.94	0.00	286460.00
TTB	3.70	6.94	0.00	316050.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCO	10.30	-6.79	0.00	30.00
TCR	3.18	-6.74	0.00	49640.00
SGT	4.84	-6.74	-0.01	600.00
SVI	67.90	-6.60	-0.02	70.00
VTB	12.10	-6.56	0.00	1510.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	26.40	0.38	0.16	5.58MLN
VIF	20.40	8.51	0.06	200.00
NVB	8.90	1.14	0.04	1.95MLN
PTI	16.50	10.00	0.03	305100.00
PGS	21.80	3.81	0.03	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

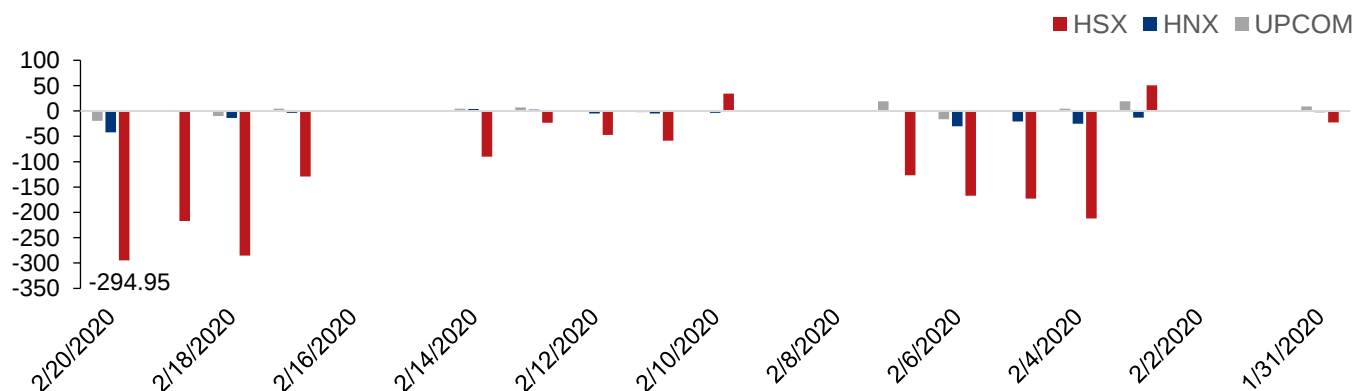
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.90	-1.43	-0.13	9.52MLN
TVC	30.20	-3.51	-0.04	215500.00
TNG	15.40	-3.75	-0.03	496200.00
HUT	2.10	-4.55	-0.02	265000.00
CEO	8.70	-1.14	-0.01	784400.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DST	0.90	12.5	0.00	69400.00
NAP	13.20	10.0	0.01	100.00
PTI	16.50	10.0	0.03	305100.00
PVX	1.10	10.0	0.02	1.23MLN
KTS	12.20	9.9	0.00	7000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.60	-14.29	-0.01	296700.00
VIG	0.80	-11.11	0.00	239500.00
DIH	15.30	-10.00	-0.01	16600.00
VCM	34.20	-10.00	0.00	100.00
SCL	3.70	-9.76	0.00	1300.00



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
2	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
5	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
6	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
7	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
19	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
20	2019M2_Biến động giảng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DHG	Y tế	Theo dõi	2/3/2020	93.0	n/a	96.5	4,668	20.7	3.7	Click
2	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	27.6	5,020	5.5	1.3	Click
3	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	85.3	5,327	16.0	4.2	Click
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	13.7	2,421	5.6	0.9	Click
5	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	162.8	29,035	5.6	4.4	Click
6	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	13.4	0	38.1	0.4	Click
7	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	110.6	8,655	12.8	4.0	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	26.4	3,686	7.2	1.6	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	13.2	2,736	4.8	0.8	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	23.5	2,881	8.2	1.3	Click
11	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
12	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	89.5	5,004	17.9	3.9	Click
13	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	28.2	7,028	4.0	1.5	Click
14	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	55.8	4,225	13.2	2.7	Click
15	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	27.3	3,897	7.0	1.2	Click
16	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	15.8	2,236	7.1	0.7	Click
17	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	30.2	2,846	10.6	0.6	Click
18	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	51.1	4,772	10.7	1.4	Click
19	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	106.4	5,478	19.4	6.7	Click
20	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.4	3,700	5.8	1.4	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn